

Bản án số 12/2018/DS-ST
Ngày 28.3.2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị L - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng C thành phố Đ; Địa chỉ: phường H, quận L, thành phố Đ (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016 và Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 423/QĐ-NHCS ngày 10 tháng 5 năm 2017), (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Lương Thị C - Sinh năm 1956; Nơi cư trú: Số 29, đường H, phường H, quận L, thành phố Đ, (Vắng mặt, không có lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Trọng T - Sinh năm 1952; Nơi cư trú: Số 29, đường H, phường H, quận L, thành phố Đ, (Vắng mặt, không có lý do).

+ Bà Trần Thị Bích N - Nơi cư trú: K482/32 Hu, phường B, quận H, thành phố Đ, (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06 tháng 10 năm 2017, tại Bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (- Ngân hàng C (viết tắt là Ngân hàng C)) trình bày:

Vào ngày 30.9.2008, Phòng Giao dịch Ngân hàng C quận H (nay là Chi nhánh Ngân hàng C thành phố Đ) giải ngân cho bà Lương Thị C vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) căn cứ Danh sách hộ nghèo đề nghị vay vốn được Chủ tịch UBND phường B, quận H, thành phố Đ phê duyệt ngày 25.9.2008.

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 08060650/KU ngày 12.7.2008, bà C vay của Ngân hàng số tiền 10.000.000đ thời hạn 36 tháng, trả nợ 06 tháng/lần, hạn cuối trả nợ ngày 09.10.2011, lãi suất cho vay 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi cho vay.

Đến hạn, do bà C chưa trả được nợ nên Phòng Giao dịch đã kéo dài thời hạn trả nợ thêm 36 tháng. Tuy nhiên, vào ngày 31.7.2013, bà C mới chỉ trả lãi cho Ngân hàng được 998.835đ. Đến ngày 09.9.2014, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ 10.000.000đ của bà C sang nợ quá hạn.

Mặc dù, cán bộ Ngân hàng, UBND phường Bn, Hội Phụ nữ phường B, Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều lần làm việc, đôn đốc, nhưng bà C vẫn không trả nợ cho Ngân hàng, đi khỏi địa phương nhiều năm.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà C trả số tiền nợ gốc 10.000.000đ, nợ lãi 6.463.165đ (lãi trong hạn 4.701.667đ và lãi quá hạn 2.760.333đ) và lãi phát sinh tiếp theo.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc. Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà C trả số tiền lãi tính đến ngày khởi kiện (- ngày 28.3.2018) là 7.301.369đ, trong đó lãi trong hạn là 6.459.939đ và lãi quá hạn là 841.430đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 17.301.369đ.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Lương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Trọng T, bà Trần Thị Bích N không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, bà C, ông T và bà N vắng mặt lần hai, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn - bà Lương Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Ngô Trọng T, bà Trần Thị Bích N đã được triệu tập họp lệ lần hai, nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị C không văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng C cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 30.9.2008, bà C đã được Ngân hàng C giải ngân số tiền vay 10.000.000đ theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số 08060650/KU với mức lãi suất 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn 130% lãi suất khi vay, thời hạn vay là 36 tháng, thời hạn cuối cùng trả nợ là ngày 09.10.2011, mục đích để buôn bán tạp hóa. Quá trình vay vốn, bà C chỉ trả cho Ngân hàng được 998.835đ. Số tiền bà C còn nợ của Ngân hàng là 10.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

Do bà C đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, xử buộc bà C phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng C về thời gian tính lãi và mức lãi suất yêu cầu là phù hợp với sự tự nguyện thỏa thuận, đúng với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 865.068đ (*Tám trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi tám đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà Lương Thị C về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc bà Lương Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 10.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 28.3.2018 là 7.301.369đ (*Trong đó, lãi trong hạn là 6.459.939đ và lãi quá hạn là 841.430đ*). Tổng cộng là 17.301.369đ (*Mười bảy triệu ba trăm lẻ một ngàn ba trăm sáu mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 865.068đ (*Tám trăm sáu mươi lăm ngàn không trăm sáu mươi tám đồng*) bà Lương Thị C phải chịu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiếu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thủy

